

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIM PHƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 104/UBND-TCKT
V/v đề nghị hạch toán chuyển
nguồn ngân sách năm 2024 sang
năm 2025

Kim Phượng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Kho bạc Nhà nước Định Hóa.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV;

Căn cứ Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Căn cứ Công văn số 458/STC-QLNS ngày 10/02/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát ngân sách cuối năm và chuyển nguồn NSNN năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 06/TB-HĐND ngày 20/3/2025 của Thường trực HĐND xã Kim Phượng về việc đồng ý phương án sử dụng nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND xã Kim Phượng về việc chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 sang năm 2025.

UBND xã Kim Phượng đề nghị Kho bạc Nhà nước Định Hóa hạch toán chi chuyển nguồn NSNN năm 2024 sang năm 2025 với tổng số tiền là: **56.230.431** đồng (Số tiền ghi bằng chữ: *Năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm ba mươi một đồng/.*).

(Chi tiết số liệu theo biểu kèm theo)

Vậy UBND xã Kim Phượng đề nghị Kho bạc nhà nước Định Hóa phối hợp thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: CC TC-KT, VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Anh Tú

UBND XÃ KIM PHƯỢNG

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2024 SANG NĂM 2025

(Kèm theo công văn số: 64/CV-UBND ngày 25/02/2025 của UBND xã Kim Phượng)

			Trong đó:				
SỐ TT	Nội dung	Tổng cộng	Vốn đầu tư phá triển thực hiện chuyển nguồn từ năm nay sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công (Mục 0961)	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội; (Mục 0963)	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán (Mục 0965)	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi năm nay được phép chuyển sang năm sau theo quy định (Mục 0967)	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật (Mục 0968)
1	2	3	4	5	6	7	6
I	Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia	1.302.400.000	-	-	-	-	1.302.400.000
1	Duy tu, sửa chữa kênh mương Đồng Đàm - bản Mè, xóm Cầu Đá, xã Kim Phượng (Mã CT MTQG: 00514; NSTW, mã dự phòng: 000)	80.000.000					80.000.000
2	Duy tu, sửa chữa kênh mương Đồng Đàm - bản Mè, xóm Cầu Đá, xã Kim Phượng (Mã CT MTQG: 00514; NS tỉnh, mã dự phòng: 210)	8.000.000					8.000.000

3	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nông thôn xóm Cầu Đá, xã Kim Phụng (Mã CT MTQG: 00514; NSTW, mã dự phòng: 000)	1.104.000.000					1.104.000.000
4	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nông thôn xóm Cầu Đá, xã Kim Phụng(Mã CT MTQG: 00514;NS tỉnh, mã dự phòng: 210)	110.400.000					110.400.000
II	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	31.110.037	-	31.110.037	-	-	-
1	70% Nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024	4.348.000	0	4.348.000	0	0	
2	70% Nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024	26.762.037	0	26.762.037	0	0	0
III	30% từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	13.332.000	0	0	0	13.332.000	0

1	30% từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 (Chuyển nguồn sang năm sau thực hiện chi trả các chế độ an sinh xã hội)	1.863.000	0	0	0	1.863.000	0
+	<i>Chi hỗ trợ người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo</i>	<i>1.863.000</i>				<i>1.863.000</i>	
2	30% từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024 (Chuyển nguồn sang năm sau thực hiện chi trả các chế độ an sinh xã hội)	11.469.000				11.469.000	
+	<i>Chi hỗ trợ người cao tuổi, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo</i>	<i>11.469.000</i>				<i>11.469.000</i>	
	Tổng cộng (I+II+III)	1.346.842.037	0	31.110.037	0	13.332.000	1.302.400.000